TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **165**/2023/DS-ST
Ngày: 09/11/2023
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Vĩnh Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Nhân
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đào

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đinh Thị Thoảng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên toà:*** Bà Đặng Kiều My – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2023/QĐXX - DS ngày 30 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng X

Trụ sở: 145-147-149 V, phường N, TP. A, tỉnh A

Người đại diện theo ủy quyền: Anh T – Ban công nợ Ngân hàng X.

Bị đơn: Anh H, sinh năm 1977

Địa chỉ: 34B/5 T, KP M, phường N, TP. T, tỉnh G

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Q, sinh năm 1956

Bà Y, sinh năm 1958

Anh T, sinh năm 1981

Chị N, sinh năm 1985

Anh X, sinh năm 1988

Anh T, sinh năm 1975

N, sinh năm 2009

Đại diện theo pháp luật của cháu N: Chị N

Cùng địa chỉ: 128/6 G, phường Y, TP. T, tỉnh G

Anh Trịnh, anh H, ông Q, bà Y có mặt;

Anh T, chị N, anh X, anh T vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Ngân hàng X và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Nguyễn Văn Trịnh là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng X (sau đây gọi tắt là ngân hàng) có ký với anh H hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số: 102/2020/23105/06.HĐTD/090 ngày 09/12/2020:

Số tiền cho vay: 350.000.000 đồng.

Mục đích vay vốn: Bù đắp chi phí tiêu dùng

Phương thức trả: Gốc + lãi trả hàng tháng

Thời hạn vay: 72 tháng kể từ ngày 10/12/2020

Lãi suất thời điểm giải ngân là 11,0%/năm. Lãi suất cho vay cố định trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày tiếp theo bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Lãi suất sẽ được điều chỉnh lại bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 24 tháng cộng với biên độ 3,8%/năm.

Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Lãi chậm trả lãi trong hạn: 10%/năm.

Phương thức trả: Gốc lãi trả hàng tháng.

Ngày 18/11/2021, anh H đã ký với ngân hàng phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng. Theo đó, lịch trả nợ của anh H đối với nghĩa vụ trả nợ còn lại được cơ cấu lại

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng. Tạm tính đến ngày 22/12/2022, anh H còn nợ ngân hàng số tiền là 264.600.520 đồng trong đó nợ gốc là 238.193.550 đồng, nợ lãi trong hạn là 24.420.331 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.223.146 đồng, lãi chậm trả lãi: 763.493 đồng.

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ, ông Q và bà Y đã thế chấp cho ngân hàng nhà đất tại thửa 378 tờ bản đồ số 30 địa chỉ 128/6 Lê Thị Hồng Gấm, phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang theo Hợp đồng thế chấp số 102/2020/23105/03.1.HĐTC/090 ngày 09/12/2020.

Nay Ngân hàng yêu cầu giải quyết:

1. Buộc anh H phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ là 264.600.520 đồng trong đó nợ gốc là 238.193.550 đồng, nợ lãi trong hạn là 24.420.331 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.223.146 đồng, lãi chậm trả lãi: 763.493 đồng.

Và buộc anh H phải tiếp tục trả tiền lãi cho Ngân hàng theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên số nợ gốc thực tế cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp anh H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ

- Tại biên bản hòa giải ngày 16 tháng 8 năm 2023 và tại phiên tòa, bị đơn anh H trình bày:

Anh thống nhất còn nợ ngân hàng số tiền nợ như trên và đồng ý trả nợ cho ngân hàng tuy nhiên anh xin được trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

- Tại biên bản hòa giải ngày 16 tháng 8 năm 2023 và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Q và bà Y trình bày:

Ông, bà thừa nhận có ký hợp đồng thế chấp tài sản tại thửa 378 tờ bản đồ số 30 địa chỉ 128/6 Lê Thị Hồng Gấm, phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang theo Hợp đồng thế chấp số 102/2020/23105/03.1.HĐTC/090 ngày 09/12/2020 để bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ cho anh H. Nay anh H không trả được nợ thì ông bà đồng ý phát mãi tài sản để trả nợ.

- Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã tiến hành triệu tập anh T, chị N, anh X, anh T đến Toà để tham gia phiên họp, phiên hoà giải và phiên tòa nhưng anh T, chị N, anh X, anh T đều vắng mặt không có lý do cũng không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu quan điểm

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh T, chịN, anh X, anh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Ngân hàng yêu cầu anh H trả số tiền nợ vay và xử lý tài sản thế chấp, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại phường N, thành phố T, tỉnh G, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh G, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh H trả tiền nợ gốc và tiền lãi. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, anh H thừa nhận có vay và còn nợ Ngân hàng số tiền nói trên. Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Như vậy, việc anh H đã vay của Ngân hàng và còn nợ số tiền vốn là 228.120.550 đồng như Ngân hàng trình bày là có thật.

[4] Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự thì: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn"*. Xét thấy anh H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền, do đó Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc anh H trả cho Ngân hàng số tiền gốc tính đến ngày 09/11/2023 theo hợp đồng tín dụng số 102/2020/23105/06.HĐTD/090 ngày 09/12/2020 là 228.120.550 đồng.

[5] Anh H trình bày do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Xét thấy:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Dân sự: *"Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thoả thuận"*.

Theo quy định tại Điều 354 của Bộ luật Dân sự: *"1. Khi không thể thực hiện được nghĩa vụ đúng thời hạn thì bên có nghĩa vụ phải thông báo ngay cho bên có quyền biết và đề nghị được hoãn việc thực hiện nghĩa vụ"* và *"2. Bên có nghĩa vụ được hoãn việc thực hiện nghĩa vụ, nếu được bên có quyền đồng ý"*.

Xét thấy, thời điểm thực hiện nghĩa vụ của anh H đối với ngân hàng đã đến hạn thực hiện. Anh H xin được hoãn thực hiện nghĩa vụ nhưng không được ngân hàng đồng ý và giữa các bên cũng không có thỏa thuận nào khác. Do đó, yêu cầu xin trả dần tiền nợ của anh H không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu trả tiền lãi: Ngân hàng yêu cầu anh H trả tiền lãi trong hạn là 54.885.940 đồng, tiền lãi quá hạn 6.409.649 đồng, lãi chậm trả lãi là

4.155.164 đồng. Xét thấy Ngân hàng yêu cầu anh H trả tiền lãi là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Kể từ ngày 10/11/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ thì anh H vẫn phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng.

[8] Ngày 09/12/2020, ông Q và bà Y (bên thế chấp) và ngân hàng (bên nhận thế chấp) ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 102/2020/23105/03.1.HĐTC/090 với nội dung: Ông Q và bà Y thế chấp tài sản là quyền sử dụng diện tích 71,35 m^2 đất thuộc thửa số 378, tờ bản đồ số 30 và và căn nhà ở trên đất cùng tọa lạc tại 128/6 Lê Thị Hồng Gấm, phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của anh H theo Hợp đồng tín dụng số 102/2020/23105/06.HĐTD/090 ngày 09/12/2020 đối với ngân hàng.

[9] Theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp tài sản, tuy không nói đến việc bảo lãnh nhưng bản chất của hợp đồng này là ông Q và bà Y chỉ là người thế chấp tài sản để bảo lãnh cho nghĩa vụ của anh H phát sinh với Ngân hàng theo quy định tại khoản 3 Điều 336 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 342 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *"Trường hợp bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ đó"*. Do đó, trong trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà anh H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì ông Q và bà Y phải trả nợ thay cho anh H; trong trường hợp ông Q và bà Y không trả được nợ cho ngân hàng thì Ngân hàng mới được yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là nhà, đất của ông Q và bà Y để thu hồi nợ.

[10] Về chi phí tố tụng: Chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ là 1.200.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên anh H phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo quy định tại Điều 157, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngân hàng đã nộp tạm ứng số tiền 1.200.000 đồng nên anh H có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng số tiền 1.200.000 đồng chi phí tố tụng.

[11] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[12] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 336, Điều 342 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X. Buộc anh H trả cho Ngân hàng X số tiền:

- Nợ gốc là 228.120.550 đồng (Hai trăm hai mươi tám triệu một trăm hai mươi nghìn năm trăm năm mươi đồng);

- Tiền lãi trong hạn là 54.885.940 đồng (Năm mươi bốn triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn chín trăm bốn mươi đồng);

- Tiền lãi quá hạn là 6.409.649 đồng (Sáu triệu bốn trăm lẻ chín nghìn sáu trăm bốn mươi chín đồng);

- Tiền lãi chậm trả lãi là 2.865.432 đồng (Hai triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn bốn trăm ba mươi hai đồng).

2. Kể từ ngày 10/11/2023 cho đến khi thi hành án xong, anh H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng 102/2020/23105/06.HĐTD/090 ngày 09/12/2020.

3. Trường hợp anh H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì anh ông Q và bà Y phải trả cho Ngân hàng X số tiền nợ mà anh H không thanh toán.

4. Trường hợp ông Q và bà Y không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng X có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo *Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở để bảo đảm nghĩa vụ của người khác số 102/2020/23105/03.1.HĐTC/090 ngày 09/12/2020* để thu hồi nợ.

5. Chi phí tố tụng: Buộc anh H có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng X số tiền 1.200.000 đồng chi phí tố tụng.

6. Về án phí:

Anh H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 14.679.000 đồng.

Ngân hàng X được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.615.000 đồng theo biên lai thu tiền số 24000 ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

7. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS;
- Lưu.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Vĩnh Lộc